

## ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT KINH SỐ QUYỂN 15

### *Phẩm 11: BÍ MẬT MẠN-ĐỒ-LA (Tiếp Theo)*

Lại nữa, liền dùng kệ tụng thứ lớp hỏi Phật. Nay kể nêu ra, chưa kết kệ cú. Vì sao phải làm Mạn-đồ-la trước? A-xà-lê có mấy thứ, đệ tử có mấy thứ. Làm sao biết địa thế, hỏi địa tốt xấu. Làm sao chọn lựa? Đã chọn lựa rồi làm sao làm cho thanh tịnh? Làm thanh tịnh rồi làm sao an trụ? Chỉ có ba câu hỏi.

Lại hỏi làm sao (làm) đệ tử? Làm tịnh? Xin Phật dạy cho.

Tịnh rồi hỏi phải làm sao? Hỏi dùng cách Hộ trì nào? Địa làm hộ lại hỏi làm sao? Gia trì địa là gì? Kết hộ trì có nhiều nghĩa. Cũng hỏi ba việc tác dụng đầu là gì, và dùng pháp chân ngôn nào làm tác hộ trước và làm tịnh trừ trước, tức là hỏi việc trước trước sau. Hai việc này là tác dụng, tuyền có mấy thứ. Lượng Địa làm sao mà dùng tuyền làm giới phần? Có mấy thứ cúng dường, thế nào là hoa hương... Hỏi hiến dâng hương hoa có phương pháp nào, hoa hợp hiến dâng ai? Hương... cũng như thế, và hiến thức ăn... Hộ-ma là gì? Hỏi hiến Phật và Hộ-ma có thứ lớp gì, pháp tắc tức là thứ lớp, đây là tên chung? Thế nào là thờ các tôn vị. Pháp giáo phép tắc, phương pháp phép tắc đều được hiện bày hình sắc,... ba câu hỏi này xin nói thứ lớp. Chẳng cùng với phép tắc đồng các tôn ấn và tự tọa. Ấn từ chỗ nào sinh, lại có tác dụng gì? Tên hiệu ấn ấy là gì? Sao gọi là ấn? Quán đảnh có mấy thứ, Tam-muội-da có mấy thứ, trì tụng mấy thời. Người trì tụng siêng tu chân ngôn môn mấy ngày thì được thành đạo Bồ-tát và Nhất thiết trí? Xin nói bao lâu thì thấy đế.

Tất-địa có mấy thứ, khi nào thì Tất-địa sinh và khi nói Tất-địa làm sao bay lên hư không? Thế nào là thân bí mật? Làm sao chẳng bỏ thân này mà được thành thân Thiên tiên? Thành tựu rồi các thứ biến hóa làm sao sinh? Ai sinh các thứ biến hóa? Nó lại từ đâu được sinh. Khi nhật nguyệt hỏi phương chấp diệu, chia ra các điều bất tướng, thì làm sao dứt trừ, khi sinh tử chịu khổ khởi lên thì làm sao trừ diệt? Chẳng có là

nghĩa trừ. Làm sao người tu và chư Phật cùng ở một chỗ. Hộ-ma có mấy thứ. Trong đây hỏi Hộ-ma cần dùng mấy thứ lửa, muốn được biết. Lửa tăng oai là pháp tăng ích. Lại có mấy thứ tăng oai này, tất cả vật dùng như Hoa... Tôn khác loài với các tôn tánh, phải biết bản tánh của giập dữ, vắng lặng, vui mừng. Xin Đạo sư chỉ dạy không thiếu sót, các giới và quả xuất thế gian là có mấy số như thế nào. Lại hỏi thế gian, xuất thế gian Tam-muội là gì. Đều có định thù thắng, cùng với trước là tám nghiệp thành tựu ở chỗ nào, hỏi thành tựu chịu quả ở chỗ nào. Người chưa thành tựu cũng thế. Hỏi người chưa thành tựu khi nào lìa nghiệp sinh tử được giải thoát?

Bấy giờ, Kim Cang Tạng nương oai thần của các Phật mười phương nói kệ hỏi Phật. Bồ-tát tu hạnh Chân ngôn ấy có thiếu sót pháp yếu phương tiện nào chưa đầy đủ thì đáp. Bấy giờ, Nhất thiết trí Tỳ-lô-giá-na Thế Tôn lìa hết các não, nghe câu hỏi về việc bí yếu mà khen rằng: Lành thay! Lành thay! Đại tâm mạnh mẽ, lúc nào cũng là đại tâm, đại nguyện, đại hạnh v.v... Bí mật Mạn-đồ-la phối tôn vị quyết, nghĩa là quyết định an bày tọa vị các bậc Thánh.

Bí mật, tức là tạng sâu kín của Như Lai. Yếu nào vắng lặng từ lâu như hoa Ưu-đàm. Khi ấy bèn nói chẳng đúng người thì chẳng trao, bừa bãi, chẳng đồng hiển bày thường giáo Mạn-đồ-la là nghĩa đủ các đức, tức là Đức bí mật của Như Lai. Đức bí mật của Như Lai, đức bí mật như thế như hoa sen nở mà tự trang nghiêm. Phối tôn vị quyết là nghĩa chọn lựa. Tạng liên hoa bí mật như thế phân biệt các thứ phần vị, điều nên làm đều đã chọn lựa. Quyết nghĩa là nói nhất định. Cội nguồn đại Bi từ căn bản đại bi phát sinh. Đại thừa Vô thượng tối mật của chư Phật tức là Mạn-đồ-la này tức là cội nguồn của Đại thừa vô thượng, tức là tâm Bồ-đề này dùng đại bi là căn bản. Cũng như Thai tạng nên gọi là căn bản. Thừa nghĩa là chân ngôn thực hành việc Bồ-tát, do đầy đủ phương tiện nên đi trên đường thẳng lớn, hoàn toàn không trở ngại mà được đến chỗ chân thật. Cũng như ngồi xe dạo chơi thẳng đường mà đến thành lớn. Đây là pháp Bí yếu tối thượng của chư Phật. Nếu nói rộng thì hết kiếp vị lai cũng chẳng cùng tận. Nay dùng phương tiện mà nói lược, nay chỉ một lời mà đủ tất cả nghĩa vị nên gọi là nói lược, là việc bí mật của Phật. Các ông bày hỏi ta sẽ nói lược. Trước đã khen pháp lại hứa nói lược, kể là tùy câu hỏi mà đáp thứ lớp.

Phật bảo Kim Cang Thủ, hãy lắng nghe Đại lực, Mạn-đồ-la mười hai chi cú sinh ra Minh vương đại lực, nghiệp đầu của Mạn-đồ-la đáp trước, trước phải thực hành. Đây tức là như trên đã nói mười hai chi cú

sinh mười hai chi cú pháp giới thể. Nó nên thực hành Minh Vương đầu tiên, do Minh Vương này đều nhiếp hết tất cả thế gian và xuất thế gian. Trước làm đàn, trước phải trụ vào Tam-muội Minh Vương ấy. Vương là chỉ cho Đại nhật. Đây nghĩa là trong tâm đặt chữ đầu tiên của mười hai chữ, dùng chữ đầu tiên để giữ thân. Chân ngôn đều ở trong đó mà nhiếp hết. Muốn thực hành Mạn-đồ-la thì trước phải tụng. Nghĩa là khi sắp tạo Mạn-đồ-la thì phải tụng trước, sau mới trụ vào Du-già. Du-già tức là hạnh Ứng lý của Minh Vương này. Đã trụ vào Du-già thì phải quán sát cho đúng. Nay chỗ làm này phải dùng việc gì. Nghĩa là tuy năm bộ. Như trên đã nói dụng khác nhau của năm chữ, hoặc vương, tròn, tam giác, bán nguyệt... ở thượng trung hạ đàn có tác dụng gì căn tánh đệ tử thế nào, các việc như thế đều biết thì mới được làm. Nhưng trong đây ở chân ngôn vương mà phân biệt các việc khác nhau cũng chưa rõ ràng, bèn hỏi.

Lại nữa, trước biết có hai thứ, do đó là sư thấy đế hay đối với chân ngôn vương mà thấy tất cả cội nguồn, thông suốt không chướng ngại. Nếu sư chưa thấy đế thì cần phải y giáo và chỗ truyền dạy của thầy, tiếp đó ở chỗ chỉ thú truyền dạy mà quán sát. Đã quán sát biết rồi thì tùy việc phải làm mà làm, cho nên trước phải là chân ngôn vương này. Dem Bốn Tam-muội trì luân rồi thì trước phải biết rõ Đạo Du-già, sau mới tùy ý mà làm các sự nghiệp. Nhưng vì bí thích theo lối bí mật nên mười hai chân ngôn vương này tức là Kim Cang Tam-muội, ắt là Bồ-tát ngồi đạo tràng vào Kim Cang giới, thì được mười phương chư Phật đồng thời rưới đánh mà cùng gia trì để được vào địa vị Phật. Vào địa vị Phật, tức là thành tựu Tạng đại bi sinh Mạn-đồ-la rất ráo. Kim Cang Thủ cũng vào Chân ngôn vương này cũng ở trong kinh này mà được chư Phật mười phương đồng gia trì. Nay lại quyết trạch Tạng đại bi. Nếu chẳng như thế, thì sao có thể được quán đánh đồng vị Pháp vương của Như Lai. Nhưng cách làm Mạn-đồ-la, trước phải là A-xà-lê cho nên kế đáp, phải biết thầy có hai thứ, vị thầy phải hiểu rõ chân ngôn và tướng ấn Bốn tôn. Ở trong đó đều thấu suốt rõ ràng vô ngại biết rõ tướng pháp thượng trung hạ khác nhau. Nhưng nó có hai thứ phân, phân là hai thứ: Một là giải thích sâu kín, hai là thông lược. Nói sâu là hiểu biết sâu rộng, nghĩa là được hạnh Tam-muội trong hạnh chân ngôn, khéo biết lý thú, rộng hiểu Đại thừa có khả năng phó chúc. Trong đây có khả năng phó chúc tức là khéo hiểu biết thời nghi, hiểu rõ căn tánh có khả năng nhận lãnh, tức là người bạn chẳng thỉnh, khiến chẳng mất việc lớn nhân duyên. Chưa có khả năng tức là được hộ ý lại ở trong pháp sâu mà bày

giáo lợi hỷ. Do đây gọi là có khả năng được giao phó phải biết tức là trưởng tử của Phật. Do thấy đế nên thấy pháp, nghĩa là thấy quả báo hiện đời, nên không lấy tướng các pháp, lia cảnh tâm lượng phân biệt, nên gọi là lia, nghĩa là lia danh lợi hiện đời mong cầu Phật đạo. Phải biết vị sư này tức là mong được Phật mười phương hiện ra đưa tay phải xoa đầu, dùng pháp quán đảnh mà giao phó tặng.

Sư thứ hai, là chỉ được lợi trong pháp hiện đời, thế gian thành tựu lợi ích, trong si cú có thêm duyên niệm, vì nó mà làm đàn. Nhưng cũng đủ hiểu làm Mạn-đồ-la các thứ phương tiện không nhầm lẫn. Mong thầy quán đảnh trở xuống là nói nhắc lại Sư Thâm Hạnh, quán đảnh được giai vị A-xà-lê, cũng gọi là Phật đã ấn khả. Do nó ở trong Mạn-đồ-la mà đích thân đối với các tôn, mà được quán đảnh Sư vị ấn khả. Phải biết trong đây mong được Phật quán đảnh, là thầy Thâm Mật, mong được người thầy thế gian trao cho là hiển bày sơ lược A-xà-lê. Lời hỏi của Kim Cang đều là duyên Mạn-đồ-la chỗ cần. Phật cũng thứ lớp dùng kệ đáp, kệ này nay chưa dứt câu, sau sẽ tra chuốt văn. Phật đáp thầy dùng thứ lớp đáp đệ tử. Sở dĩ như, là vì nếu chỉ có thầy mà không có đệ tử thì duyên truyền pháp ấy khiến hạt giống Phật chẳng được tiếp nối.

Kế là phân biệt tướng đệ tử có bốn thứ: Một là thời niệm tụng đệ tử, hai là phi thời, ba là thời, phi thời đều đủ, bốn là thời, phi thời đều là sai. Đây là bốn thứ. Nói thời là như đệ tử câu A-xà-lê mà thỉnh hành pháp chân ngôn. Nếu thầy thấy đế thì phải tự chiếu duyên cảnh ấy, biết có khả năng nhận được việc thì mới trao cho hành pháp khiến thực hành niệm tụng kỳ hạn bao nhiêu lâu sẽ được thành tựu. Lại thực hành phương tiện thành tựu. Nếu thầy thế gian, tuy chẳng hiện soi cơ trước chỉ y giáo mà làm khiến đệ tử tụng niệm câu tướng cảnh giới giao cảm. Thầy cũng tự niệm tụng. Nếu tương ứng thì đệ tử được cảnh giới hứa cho pháp. Lúc đó, thầy cũng phải tự biết, đã được tương ứng trao cho pháp hạnh thì cũng dạy niệm tụng như trên, đây cũng có có khuôn phép. Phi thời là cũng như pháp trước khiến tu hạnh chân ngôn, phải ở lúc nào mà được thành tựu. Như thời pháp nghiệm chẳng thành thì phải gia tác, gia hạnh, nên nói là phi thời. Thời và phi thời đều đủ, thì tuy như trên nhận lời thầy dạy, nhưng chưa được như pháp y hạnh, chưa đến lúc thọ thành tựu. Đây chẳng ở thời cũng chẳng ở phi thời, nếu ở học địa nên gọi là đủ câu. Đều sai là chỉ cho phát tâm quy y nhưng đều chưa có thứ lớp. Thầy tuy đã nhiếp lấy, nhưng đợi thời đợi duyên. Có chỗ chưa đủ thì chưa được trao cho pháp yếu chân ngôn ấy, nên gọi là đều sai.

Lại nữa, đầy đủ các tướng, thì tướng có hai thứ: Một là tướng bên

ngoài, nghĩa là chi phần... không có thiếu sót. Như trước đã nói rộng; Hai là nội giáo mỗi thứ đúng pháp mà tu hành như lời Phật dạy răn, chẳng dám sai trái, như thế... là nội tướng, nhưng bốn người này đều ở địa vị tu học chưa đầy đủ. Đã có đệ tử đầu tiên biết tướng địa, địa giáo kể sẽ nói, gọi đó là Tâm địa.

Kế là Biết chọn đất, phải làm Mạn-đồ-la, tạo Mạn-đồ-la trước phải chọn đất. Cho nên kế nói chọn đất. Nói đất tức là tâm Bồ-đề. Trước thanh tịnh tâm này tức là trước làm thanh tịnh. Đã nói rồi, tức là tám lá tâm như trước đã làm. Trước thanh tịnh đất ấy, như trước đã nói tịnh tâm Bồ-đề phương tiện. Nghĩa là hoa sen tám cánh, ở trên đài hoa mà quán chữ A cho đến thường để trên đầu chữ Ám, mất thì để chữ Lam, mà quán tâm ấy. Cổ họng chớ để quá thấp mà phải thẳng, đây đều là phương tiện tịnh tâm địa. Kế đặt chữ La ở trên hai mắt mà quán, tức là chọn được tâm địa, mà lại dứt trừ các uế. Phương tiện này trước đã nói đủ, phải như trước mà thực hành thôi. Nói nếu lìa lỗi tâm địa được vô úy, hay dùng tịnh tâm Bồ-đề mà lìa các tướng, tức là lìa được các lỗi, nghĩa là lìa phiền não, tùy phiền não... các kiến ái, hoặc nên gọi là lìa các lỗi. Vì lìa phiền não, sợ các thứ chẳng an ổn trong đường hiểm ác mà được tánh an vui, cho nên nói không sợ, sẽ được thanh tịnh mà lìa tất cả lỗi, sẽ được tất cả thanh tịnh, là do lìa các lỗi tâm không sợ sệt, rốt ráo tịnh tâm bình đẳng. Nếu đã đến như thế, bền chặt trụ vào tịnh địa liền được thấy Tam-bồ-đề. Biết tức là biết như thế, biết như thế tức là thấy chỗ Phật phải trụ chắc vào đó, nghĩa là đã lìa được tất cả lỗi, chẳng bị tạp nhiễm phân biệt làm ô uế, phải giữ bất động chớ để lui mất, chắc chắn đến được Vô thượng Bồ-đề. Chỉ thấy tâm Bồ-đề thanh tịnh như thế, rốt ráo không sót tức là thành trí Nhất thiết trí. Khác đây thì chẳng phải tịnh địa. Nếu phân biệt trụ chẳng phải tịnh địa. Nếu khác đây thì chẳng phải tịnh được đất ấy. Nói A-xà-lê nếu chẳng như thế mà tự thanh tịnh Đại Bi Thai Tạng Mạn-đồ-la Địa thì không gọi là chọn tịnh địa ấy, vì chẳng thể lìa vọng tướng phân biệt mà chuyển, thường ở trong các lỗi, chẳng thể tránh khỏi các sợ hãi suy não thì làm sao được gọi là Thiệt Tịnh Mạn-đồ-la Địa.

Cho nên kinh nói: Nếu người trì tụng trụ vào phân biệt, nếu thực hành tịnh địa thì sẽ không thanh tịnh. Vì Bí Mật Chủ lìa tâm Bồ-đề, hai loại sự này đều phải trụ vào tâm Bồ-đề. Trong phân biệt thì không có tịnh địa. Như trong tạo đàn ở trước nói: chừng một khuỷu tay trở xuống pháp trụ tuy trụ địa cũng chưa thành, vẫn phải trụ một chút vào tâm Bồ-đề, vì lìa đây thì không thành. Xuyên qua đất xấu, loại bỏ đất cát lông

tóc ngói đá, nếu điều ác nhỏ nhiệm không do đâu mà phân biệt khắp.

Lại trong một khuỷu tay tuy tịnh, nhưng nếu quá một khuỷu tay có các vật dơ uest thì cũng chẳng thể chọn, làm sao khiến Mạn-đồ-la này được rớt ráo thanh tịnh. Cho nên phải biết, nếu thanh tịnh được tâm Bồ-đề này lìa bỏ tất cả như uest phân biệt hý luận mà tịnh địa tự giác ấy thì phải biết đó gọi là khéo tu địa ấy. Nếu thầy người như văn mà hiểu, chỉ y vào lời nói trước thứ lớp pháp dụng tùy việc mà thực hành, phải biết người này là kẻ ngu, chẳng hiểu gì về dụng Bí mật. Phải biết hiểu như thế là chẳng phải người trí. Vì sao? Vì nếu chẳng tịnh được tâm địa này còn có phần vọng tưởng thì chưa thể lìa bỏ nhân khổ. Cho nên không phải lời nói của bậc Đẳng chánh giác. Trong ngoài đều do tâm, tâm tịnh thì địa tịnh. Cho nên phải lìa bỏ phân biệt, trừ sạch tất cả địa. Duyên về địa đáp chung đã xong.

Đã thanh tịnh tâm Bồ-đề xong rồi thì dùng Thai Tạng Đại Bi mà nuôi lớn. E lời đã nói các đàn thiếu pháp, ta thứ lớp nói rộng. Họ chẳng biết việc phải làm trước, ngu si nên không hiểu. Nếu chẳng trụ tâm mà cầu Phật Vô thượng thế gian thì không có việc ấy, cũng chẳng gọi là Nhất thiết trí. Cho đến chẳng thể bỏ khổ nhân của các phân biệt. Sợ sẽ lui mất nên phải kết hộ. Cho nên kế là nói: Dùng Bất Động Tôn mà giữ gìn thì là Minh Vương Bất Động. Phải dùng tâm Bất động chân ngôn để tịnh tâm Bồ-đề, vì là việc phải làm. Khuyên đệ tử phát tâm như thế, tức là trụ ở tâm Bồ-đề. Phải hộ đệ tử, nói là bất động, tức là tự môn A. Hạ nghĩa là nhân, là nói tịnh tâm Bồ-đề này tức là tất cả. Trước trụ tâm Bồ-đề, thầy trò đều trụ, sau mới dùng hai tôn vị này mà hộ là nhân của trí trí. Có A dài là hạnh, trên có chấm tròn là chứng, là đại không, dùng diệu nhân này mà khởi chánh hạnh. Hạnh... đối với không, dùng ba pháp này mà hộ trì tâm ấy khiến rớt ráo chẳng thể dời đổi. Nếu chẳng dùng bất động mà hộ, thì dùng Minh Vương tam thế cũng được. Ba đời tức là ba độc, cũng hàng phục ba độc ấy mà ở thế gian được tự tại hoàn toàn. Cho nên gọi là ba đời hơn. Đây cũng có phương tiện lại hỏi. Nếu đệ tử thành được việc này thì chẳng phải thuộc si, si là chấp đắm. Có chấp đắm thì chẳng thể trụ lìa si, lìa si tức là bất động. Có quán có đắc đều là si. Nói không bị vọng chấp lay động thì chắc chắn sẽ thành Vô thượng Bồ-đề, thanh tịnh không như đồng với hư không chẳng thể lay động, rộng lớn không bến bờ không thể gồm chứa tất cả sắc tượng. Phải biết tâm Nhất thiết trí cũng giống như thế.

Kế lại gia trì địa, tức là tự môn A. Phải dùng chữ A mà gia trì. Đây là giáo của chư Phật. Tất cả Như Lai xưa nhờ môn này mà thành Chánh

giác. Vì hộ tâm này hoặc gia ám ở đầu và gia-la ở mắt, là tâm Bồ-đề bền chắc cho nên được thành nghiệp tự tại. Nên nói là phi dư. Phi dư là nói tất cả Như Lai thành Phật không có đường nào khác, chỉ là một môn này. Trước gia trì địa theo lời Phật dạy, Phật tức là chữ A, thứ hai là tâm tự tại, tức là đặt dấu chấm. Dấu chấm tức là Tam-muội định, tuệ... nên tất cả đều tự tại. Lại chẳng phải khác giáo này. Xưa y theo Phật dạy phát tâm tức chữ A, sau tức thành Phật... ở Phật, tức là chữ A này. Tâm Bồ-đề y Phật mà khởi. Cho nên tất cả phân biệt dứt hết, tuy chưa thành Phật tức là hạt giống vô duyên.

Trước đã hỏi đáp gia trì địa rồi. Đã gia trì địa, kế phải dùng diên mà định vị Mạn-đồ-la. Diên, tiếng Phạm là Tô-đát-lãm, tức là giữ gìn nối nhau các đức chẳng để tan biến, nên gọi là diên. Tuyến có bốn thứ, nghĩa là trắng, vàng, đỏ, đen. Niệm này, niệm nghĩa là phải niệm trì, lại thêm một thứ là sắc hư không. Hư không có công năng hợp tất cả sắc tượng, tức là có tất cả sắc. Nếu chỉ y theo sắc không tức là màu hơi xanh, như màu lá cỏ cây. Trắng nghĩa là tín, vàng là tinh tấn, đỏ là niệm, đen là chạp. Định sắc đồng với sắc Niết-bàn. Tuệ tức là Đại không, Đại không có tất cả tướng mà vô tướng. Cho nên là tất cả sắc. Hễ khi hợp tuyến, nếu đều y theo pháp, thì phải riêng tạo Mạn-đồ-la, đặt bình báu hương hoa, hương thoa, đèn nến... và các thức ăn uống, các thứ cúng dường. Sau mới khiến đồng nữ hợp. Trước phải thọ tám giới (bát quan trai) mặc y phục mới sạch, nước thơm tắm gội khiến trong ngoài thanh tịnh ngồi trong Đàn mà hợp. Về pháp hợp tuyến, trước phải làm sợi tơ nhỏ khiến cho thật đều, lớn nhỏ chạp gấp đều cho vừa chừng, chẳng được đứt quãng giữa chừng mà phải nối nhau. Lại khi hợp phải dùng lụa che miệng, mỗi sắc tơ tới lui se kỹ, khiến thành chín cọng, sau mới hợp thành một sợi, tơ ấy chỉ có một đầu. Ở giữa chẳng được nối, một sợi một sắc, năm sắc hợp thành một sợi. Nếu hợp sợi chạp gấp to nhỏ không đều, lại phải hết lòng mà làm. Minh sinh chương pháp, vừa tổn hại thầy vừa tổn hại đệ tử, hoặc khiến phát sanh điên loạn, chẳng nên không thận trọng. Ở đây gọi đồng nữ là Tam-muội. Do Tam-muội mà điều đình rất đều thì được thành năm lực năm căn. Do căn lực này mà giữ mãi được các hạnh. Đăng trì trong hư không, đây có hai thứ nếu là A-xà-lê thâm hạnh khi muốn làm đàn, đã định tâm địa Bồ-đề rồi thì ở trong Du-già mà độ đệ tử. Chánh quán Thai tạng Đại Mạn-đồ-la vị gia trì, tất cả phần vị sáng tỏ, rõ ràng như đăng trì ở trong hư không. Đăng là cùng khắp, trì là phải làm như thế. Làm nghĩa là biết thứ lớp, trước là định không. Tôn vị đồng đều. Thứ hai là dùng tuyến mà đặt địa Mạn-

đồ-la như đối trước mắt. Nhưng vì độ người thuận theo Thế đế, dùng phương vị mà gia trì đàn địa. Nhưng sau ở trên, dùng tuyến tượng năm màu mà định ra phương vị. Nếu là A-xà-lê thâm hạnh cũng phải trước dùng tuyến này mà định phương vị. Định phương vị xong phải từng thứ dụng tâm mà khắp đặt. Cũng khiến chỗ có phương vị như đối trước mắt. Hoặc dùng giấy bút mà sao chép, gặp lúc mà xét dùng, không để gặp việc sinh nghi lầm. Ở đây nói không trung đẳng tức là như trên đã nói. Trước với đối lập đệ tử, dẫn tuyến ấy mà định ra phương vị. Lại chỗ để dính đất, trước ở hư không mà đối dẫn, đều khiến cho ngay tâm như thứ lớp mà được vây quanh. Nếu chưa có đủ pháp, đệ tử chưa có khả năng cùng làm đàn, cũng có thể đặt cọc ở chỗ đệ tử mà làm. Đã như thế định rồi, liền vận tâm bày ra vị thứ, rồi mới se từng sợi. Nếu là A-xà-lê Dugia thì cũng ở trong đó mà thực hành phương vị. Thấy chư Phật, Bồ-tát, Thiên thần... rõ ràng định vị, mới thuận theo pháp thế gian, cũng se chỉ đặt vị, xét về hình sắc mà biểu thị ra. Phải biết đây là vị cao nhất, chư Phật Nhất Thiết Trí, tức là các Phật tử khen Bồ-tát có đủ trí tuệ. Tất cả các Phật tử các người trí được thế gian khen là cát tường nghĩa là thế gian khen ngợi cho là tốt lành. Đây kể đáp tòa vị biểu tượng. Như người đời dùng hoa sen làm cát tường thanh tịnh, khiến vui lòng mọi người. Nay trong Bí tạng cũng dùng Đại Bi Thai Tạng Diệu Pháp Liên Hoa làm cát tường thân bí nhất, tất cả pháp môn gia trì thân ngồi trên đài hoa này. Nhưng hoa sen thế gian cũng có vô lượng khác nhau, đó là lớn nhỏ nở búp, sắc tướng cạn sâu, thảy đều chẳng giống nhau. Như thế, đài hoa Tâm địa cũng có quyền thật, nở khép khác nhau. Cho nên nói người trí phải biết. Nếu là Phật thì phải làm hoa Phân-đà-lợi tám cánh, là hoa sen trắng. Hoa ấy nở bày bốn bên. Nếu là Bồ-tát thì cũng làm theo cách ngồi hoa này mà nở bày phân nửa, chớ cho nở hết. Nếu Duyên giác, Thanh văn thì phải ngồi trên đài hoa hoặc ngồi trên hoa Câu-vật-đầu. Người hiểu cạn cho là trí một bên. Đây là hoa sen xanh. Ở đây chỉ cho sen màu xanh, nhưng lại khác với hoa sen xanh, ngồi trên cành sen xanh. Từ sen sinh cánh, chẳng giống với loại này. Như trời Tịnh cư cho đến Phạm thiên Sơ thiên, thế gian lập hiệu là Phạm đều ngồi trong hoa sen đỏ. Niệm nghĩa là nhớ nghĩ không quên. Sắc ấy thuần đỏ, thế gian gọi là ghế vua, như các trời cõi Dục và Địa cư... đều tùy vị mà dùng biểu thị. Như tượng Đế-thích thì vẽ núi chúa Tu-di, thần núi ngồi trên núi, Thủy thần ngồi trên nước, Thọ thần ngồi trên cây, Thành thần ngồi trên thành, như thế rất nhiều tùy ý mà được. Trở xuống là các trời chia đất làm chỗ ngồi. Nghĩa là trời cõi Dục... ngồi trên cỏ hoặc ngồi trên lá



khô... Niệm tức là nghĩ nhớ. Lại, kể tam tạng nói hoa sen phương Tây có nhiều thứ. Một là Bát-đầu-ma (Hoa sen đỏ và trắng), hai là Ưu-bát-la (cũng có hai màu đỏ và trắng lại có chẳng đỏ chẳng trắng, giống như hoa Ni-lô-bát-la), ba là Câu-vật-đầu (đỏ và xanh, sen xanh), bốn là Ni-lô-bát-la (mọc trên phân trâu rất thơm), năm là Phân-đà-lợi-ca (có trăm cánh).

Kế là đáp nghĩa cúng dường. Nhưng đáp trong đây hoặc chẳng y thứ lớp câu hỏi mà chỉ y theo nghĩa hỏi, đối với lý chẳng có lỗi nên biết. Cúng dường lược có bốn thứ: Một là cúng dường hương hoa, hai là chấp tay, ba là từ bi, bốn là vận tâm. Nghĩa là tưởng hương hoa bay khắp pháp giới, vận tâm rồi liền dùng ấn, chấp tay và từ bi, ba việc đều vận tâm. Nhưng trong kinh chẳng nói hương hoa, đối với nghĩa thì phải có. Hoa Thủ đây đều là ấn chấp tay. Hoa này từ tay sinh, phát sinh dưng tất cả chi phần sinh, Ấn quán tâm Bồ-đề. Tay hoa phát sinh, tức là làm ấn. Làm ấn (bắt ấn) rồi liền vận tâm cúng dường. Đây là ấn tất cả chi phần sinh. Trước đã có chân ngôn mà nói chưa có ấn. Ở đây xem lại. Như thế dùng ấn gia trì rồi phải niệm tâm Bồ-đề. Tưởng thấy hoa này đều từ tay mà ra, dùng dây mà cúng dường tất cả đều phải vận tâm. Chư Phật và đệ tử do kia sinh ra, ân cần dùng hoa không lỗi xinh đẹp thơm tho sáng rực rỡ pháp giới làm cây chúa. Tưởng cây đây khắp pháp giới nở hoa mà cúng dường Phật. Cúng dường dùng chân ngôn gia trì thắng diệu. Lại có nhiều vầng mây lớn nổi lên trong pháp giới, từ đó mưa hoa trước chư Phật, nghĩa là từ chư Phật, Bồ-tát cho đến Nhị thừa tám bộ đều nương vào bản chân ngôn và ấn đó để gia trì vật cúng dường mà cúng dường. Khi người tu cúng dường hương hoa thì phải dùng chân ngôn. Nếu cúng dường hoa thì phải dùng chân ngôn hoa... nếu tâm chẳng trụ định thì cho đâu được. Cho nên nói Tam-muội tự tại chuyển và ấn gia trì, sau đó vận tâm. Hoa này thơm tho xinh đẹp không có các lỗi xấu. Nguyên sinh thắng diệu, lại cũng nhiều như mây lớn từ trong pháp giới sinh, từ đó mưa hoa, nghĩa là từ pháp giới sinh. Thường ở khắp trước chư Phật sinh ra các thứ ánh sáng. Lại đem các hoa này mà cùng khắp pháp giới làm một cây lớn, không khác cây thiên ý, rải các thứ hoa như mưa, mây hoa hương phướn lọng và các thức ăn uống vô lượng vô biên chẳng thể cùng tận, cùng khắp trước tất cả Như Lai, các thứ cúng dường khiến mỗi thứ đều cùng khắp. Vận tâm như thế, liền dùng chân ngôn gia trì. Nghĩa là mỗi thứ cúng dường tôn đều dùng bốn chân ngôn và ấn mà gia trì. Kế đây là tám bộ, cũng tùy loại mà dùng chân ngôn và ấn. Nhưng các tôn vị này kém hơn các thiên thần.

Ở đây, kể là nói các thiên thần như bốn Du-già nghĩa là đều tương ứng, tức tương ứng với Bốn tôn, như giận dữ thì dùng màu đỏ. Hoặc trong kinh có chân ngôn và ấn, hoặc có liên quan với không. Riêng có một khắp thông với ấn cát tường. Như hoa: là hương thoa... Như lý tương ứng nhau, nhớ nghĩ nhau. Phải dùng hai ngón cái và áp út giữ nhau, ba ngón kia đều rẽ thẳng ra. Dùng ấn này gia trì các vật, cho đến tất cả đồ cúng dường trong đàn được gia trì đều thành tựu. Nếu Bốn tôn tự có bốn ấn gặp lúc cần thì cũng dùng như ấn phổ thông mà gia trì, cũng được. Chân ngôn hương hoa... tức là trước đã nói về chân ngôn hương hoa, đèn nến... đều tùy loại, như kinh Bát-nhã nói: Nếu muốn dùng một hoa mà cúng dường khắp tất cả chư Phật thì phải tu Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Trong đây chỉ vận tâm dùng một hoa hương, nhờ gia trì và Tam-muội mà cúng dường khắp tất cả Hiền Thánh trong pháp giới, khiến gốc lành này không thể cùng tận. Nếu chẳng bắt ấn Cát tường phổ thông. Lại có Kim Cang Phụng ấn, hoặc ấn Liên Hoa và ấn Quan Âm, chỉ làm ở tay phải, chỉ có trời Địa cư thì hợp tay trái mà làm. Nhưng sợ tay trái có làm việc cầm nắm, nên để tay phải làm ấn gia vật cũng được. Nhưng khi cúng dường, trước dùng ấn gia trì, rồi bưng lên mà nói lên tâm dâng hiến, mới đặt ở chỗ các tôn vị. Nếu là hương thoa thì hoặc dùng hương thoa vào thân Tôn vị ấy, cũng tùy chỗ trang nghiêm mà đặt, hoặc để ở trước. Khi gậy khêu hoa thì cũng nói cao thấp khác nhau. Nếu là Phật thì phải nâng cao ngang đầu thân ấy, còn Bồ-tát thì từ tim trở lên. Nhị thừa thì ở trên rún, Phật, Bồ-tát thì giữ ở tim, Thế Thiên thì phải ở rún. Đây là nhất định. Địa cư thiên... thì phải từ rún trở xuống. Kể là kiết ấn, rồi dẫn lên hư không mà hiến Phật. Cho đến Địa cư... khiến chuyển xuống. Như trên có bốn bậc các tôn từ thân Phật mà ra. Nay hiến hoa cao thấp cũng y theo trước. Dưới rún là phối hợp với vị Mạn-đồ-la. Nhưng có hai loại sư: Một là nếu Du-già mà thành thì chỉ dùng Tam-muội tâm tự tại đã được thông suốt môn chân ngôn rồi, mới tùy tâm mà làm thành, chẳng đợi sự pháp thì cũng được thành; Hai là nếu sư thế gian thì phải y vào sự pháp, dùng chân ngôn và ấn mà gia, mới thành được.

Kể là đáp nghĩa Hộ-ma. Phải biết Hộ-ma có hai thứ: Một là nội, hai là ngoại. Nói trong ngoài là các phần đều khác. Hộ-ma là nghĩa thiêu, là do Hộ-ma có khả năng thiêu trừ các nghiệp. Vì tất cả chúng sinh đều từ nghiệp sinh, do sinh mà chuyển nghiệp, luân hồi không rời, do nghiệp dứt nên sinh được dứt, tức là được giải thoát. Nếu nghiệp năng thiêu thì gọi là Hộ-ma bên trong. Từ chỗ nào mà được giải thoát, tức là từ nghiệp khổ phiền não mà được giải thoát. Đã lìa thế gian tức là sinh

hạt giống, đó gọi là thanh tịnh tâm Bồ-đề. Như lửa thế gian, nếu đốt vật rồi chỉ còn tro tàn. Nay thì chẳng phải thế. Nếu đã thiêu đốt tất cả phiền não, như kiếp thiêu lửa cháy không sót. Mà cũng từ đây được có mầm sinh, tức là mầm Bồ-đề năng thiêu ở đây tức là trí. Như trước nói quán chữ La tóc lửa vây quanh, khiến tướng này cùng khắp thân. Thân ấy lại cầm dao và dây cột. Dùng chữ La này thì dứt được các nghiệp trừ sạch các chướng. Nghiệp chướng đã sạch thì được sinh tự tịnh hạt giống. Thế nên kế quan tâm Bồ-đề phải biết rằng tâm Bồ-đề sinh được hạt giống. Như thế khi quán phải tưởng chữ Phược khắp tất cả thân phần. Ở trong lỗ chân lông mà tuôn ra chất cam lộ màu trắng cùng khắp mười phương để tưới tất cả thân chúng sinh, vì nhân này khiến cho các hạt giống lần lượt lớn lên, nên gọi là Hộ-ma bên trong. Kế là giải thích Ngoại Hộ-ma. Có ba thứ: Một là Bồn tôn, hai là Chân ngôn, ba là Ấn. Một là Bồn tôn (vì cúng dường nên đặt, tùy môn Sở tông mà đặt, hoặc trong lửa có vị Mạn-đồ-la ấy); Hai là Chân ngôn (lò, nơi để lửa, đây tức là chân ngôn có trong lửa); Ba là Ấn (tức là chỗ ngồi của A-xà-lê, tự thân tức là ấn). Khi thực hành ngoại Hộ-ma khiến ba vị này đối nhau. Ba vị này cũng là nghĩa thanh tịnh ba nghiệp. Bồn ba vị, tức là thân, lò và Bồn tôn ba vị, đều có ba vị Bồn tôn, Chân ngôn và Ấn. Thanh tịnh ba nghiệp thành ba sự, Tôn là ý nghiệp, Chân ngôn là khẩu nghiệp, Ấn là thân sự, thuộc thân nghiệp. Do nhân duyên này mà thanh tịnh ba nghiệp, thành ba sự nghĩa là dứt tai, tăng ích và hàng phục. Ba nghiệp đạo, đạo nghĩa là hội, gặp. Nói cùng lý đồng, vì đồng cho nên hội. Các ông thực hành đạo Bồ-tát ấy tức là ba đạo đồng quy một chí. Lại ba việc quán chữ đều khác. Nếu thực hành tức tai thì quán chữ La. Phải trên thêm dấu chấm mà có màu trắng. Tăng ích thì tưởng chữ Lam màu vàng. Hàng phục thì tưởng chữ Ám hoặc đen hoặc đỏ. Như chữ Bồn tôn và sắc tự thân, cũng giống như thế ba việc tương ứng liền thành. Ở trong đó lại có thượng, trung, hạ khác nhau. Nghĩa là dứt tai là thượng, tăng ích là trung, hàng phục là hạ. Làm như thế gọi là ngoại Hộ-ma. Phải biết Hộ-ma trong ngoài đây đều gọi là thù thắng, nếu chẳng tương ứng với đây thì làm phí công vô ích. Vì cũng làm ngoại Hộ-ma nên khiến dẫn vào Hộ-ma bên trong. Nhưng lý của trong ngoài vốn chẳng khác nhau. Vì câu thế gian thành tự, vì làm phân biệt này khiến làm ngoại Hộ-ma. Nếu làm khác với đây, tức chẳng y theo khuôn phép đã nói. Phải biết người này chẳng biết gì, uổng phí công sức mà không có quả báo. Do chân ngôn lìa trí, tùy tâm vô minh của mình mà vọng làm, thì chẳng bao giờ được quả Tất-địa thế gian, xuất thế gian, nên nói là chẳng được kết quả.

Kế là đáp sắc và hình loại, cũng đại lược có ba bộ. Tỳ-lô-giá-na là Phật bộ, tức là thân pháp giới Như Lai màu trắng. Kế Quán Thế Âm là Phật A-di-đà thân màu vàng. Kế Kim Cang Tạng là Phật Thích-ca Mâu-ni thân màu đỏ vàng. Phật nói các chân ngôn và lời chư Phật nói. Ở trên nói Phật là nêu các chân ngôn trong Phật Như Lai bộ, Bộ nghĩa là từ đó Phật sinh. Cho đến các thần, chỗ Phật hứa khả đều là Phật bộ. Ở dưới nói chư Phật là lời do chư Phật nói, không thông với Bồ-tát trở xuống. Hai thứ này đều có hai thứ sắc, tức là trắng và vàng. Các bộ trở xuống là nói chư Phật nói chân ngôn, nghĩa là lời Tỳ-lô-giá-na nói, thứ lớp phải hiểu biết. Kim Cang Thủ tạng loại, Quán Tự Tại các chân ngôn màu trắng. Tùy việc mà phân, tức đây chỉ nói phải biết, vì trắng vàng hợp nhau, tức chẳng quá vàng quá trắng. Tạp sắc nghĩa là đủ năm màu, tức là tùy sự phân biệt mà dùng. Phật bộ một bề là dùng Tứ Tai, màu trắng tùy sự nghiệp mà phân. Quán Âm thì thuần trắng. Nhưng trong sự đó thì tùy sự nghiệp mà biến chuyển, màu phải là trắng. Bộ Liên Hoa thì một bề là dụng Tăng Ích, sắc màu vàng. Bộ Kim Cang thì hoàn toàn dùng Hàng phục, màu xen tạp (đủ năm màu). Cũng tùy một bộ trong đó mà có ba việc phân biệt. Như trong Phật bộ thì tự có Tứ tai, Tăng ích, Hàng phục. Nếu Tứ tai thì y bốn pháp mà làm màu trắng. Nếu trong Phật bộ khi thực hành Tăng ích thì y vào pháp này mà làm màu vàng. Nếu trong Phật bộ thực hành Hàng phục thì chỉ y pháp này mà chuyển thành tạp sắc. Cũng như Phật bộ, thì Liên Hoa, Kim Cang rất dễ hiểu. Sự trắng phân, nghĩa là tùy loại mà phân việc ấy. Chân ngôn Quán Tự Tại, các tiếng trong đây tức nêu bộ Liên Hoa, vì nêu Phật bộ và bộ Kim Cang.

Kế là nói hình Mạn-đồ-la. Đã hợp Tứ tai ở trước, nay tùy tiếng trước thì sự trước, như Tăng ích ở trước. Các Tăng ích sự Mạn-đồ-la. Vuông mà màu vàng, là đàn Tứ tai. Tròn mà trong màu trắng là đàn Hàng phục. Tam giác mà trong màu đen là đàn Nhiếp triệu. Bán nguyệt (vẽ hình) mà trong tạp sắc. Nhiếp triệu nghĩa là tạp lấy vật gọi triệu mời. Kinh nói khắp bốn phương, là nêu một mà kể hết. Như trong đàn vuông, tức vuông thì đều khắp vuông, tròn thì thứ lớp cũng như thế. Tam giác cũng, cho đến ngoại vi đều vuông. Nếu trong tròn cho đến ngoài thứ lớp đều tròn. Hộ-ma làm lò cũng như thế. Nếu đàn vuông thì lửa đàn cũng vuông. Các thứ khác đều lệ theo đây mà biết.

Kế nói các hình tượng, nên lấy nghĩa tượng mạo làm chánh, cũng có thể nói là sắc tượng. Kế nói: Sắc tượng trước phải biết. Trước cho là nay ta nói. Sắc loại nhưng các tôn vị các thứ khác nhau, nói tóm tắt

có hai thứ là nam và nữ. Nam là trí tuệ làm đầu, nữ là Tam-muội làm kế. Hoặc tất cả chỗ tùy hình sắc. Như tôn hình trong kinh này hoặc các kinh khác, hoặc tùy một chỗ hiển bày hình sắc nghĩa là ứng vật bày hình dáng bất định, nên gọi là không thể suy nghĩ bàn luận, đều chẳng đồng nhau. Song tùy theo loài mà chế. Nếu nói làm màu trắng tức là dùng Tức tai, sắc vàng là Tăng ích. Các thứ khác nên biết. Thấy nam nữ và sắc mạo khác nhau, liền biết chỗ dùng. Trí không thể suy nghĩ bàn luận sinh, như Bốn tôn hợp làm màu trắng nhưng phải làm sự Tăng ích, tùy tâm người tu quán làm sắc vàng thì có dụng Tăng ích, tùy tâm mà chuyển. Nhưng chỗ làm sự đều thật chẳng luống dối. Do trí không thể nghĩ bàn giới trí mà được như thế. Nay nói sắc pháp giới, tức ở trong một sắc liền là tất cả sắc. Trí năng quán cũng tương ứng với cảnh, cho nên được tự tại như thế mà dùng. Vì trừ vô trí nên có các thứ trí sinh. Tuy biết vô lượng nhưng thật ra chỉ là một trí. Trước nói trí là Nhất thiết trí là dùng một trí mà hiện tất cả trí. Trước hỏi Bốn tôn hình lượng lớn nhỏ, nay kế đáp. Nhưng Phật Phổ môn hiện bày đều là ứng phó các căn cơ. Cơ đã muôn thứ khác nhau thì phải biết thùy ứng cũng lớn nhỏ bất định. Còn nói mỗi mỗi hình Bốn tôn thì lượng đồng pháp giới, không có bờ mé, không có đầu cuối. Do trí có cạn sâu mà lượng có lớn nhỏ, nên thấy thân đều khác nhau. Cho nên phải biết chỗ quán Bốn tôn, tùy tâm người tu lớn nhỏ chứ không có lượng nhất định. Nói người chứng trí tức là Phật. Dùng trí vô tận mà chứng cảnh vô tận. Như ruộng lớn thì sức chứa cũng lớn.

Trước hỏi hình lượng của tôn vị, là hỏi cả tòa và ấn, nay cũng đáp: Thân đã không có lượng nhất định, thì phải biết tòa và ấn cũng như thế. Cho đến tâm rộng thì tòa cũng đồng lượng đó. Ấn cũng như thế, như thứ lớp nói tùy lớn nhỏ. Lại thứ lớp từ Phật khiến Bốn tôn và tòa xứng nhau. Còn trời cũng thế. Kế đáp ấn ấy từ đâu sinh. Phật nói: Như chỗ Phật sinh, Ấn cũng như thế, từ chỗ ấy sinh. Vì sao? Vì tất cả Như Lai đều từ Phật tánh hạt giống tâm Bồ-đề sinh. Phải biết tất cả ấn cũng từ tâm Bồ-đề sinh. Ấn từ pháp giới sinh là ấn đệ tử. Như vua dùng ấn để ấn tất cả tin nhận. Nay dùng ấn tất cả pháp giới sinh mà ấn, tức là pháp ấn, tức là Đại nhân tướng ấn.

Kế là đáp ấn này có công dụng gì, tức là dùng ấn pháp giới này mà ấn đệ tử, tức là nghĩa chẳng dám trái vượt, do mình và người đều chẳng trái vượt. Nghĩa là từ lúc mới phát tâm Bồ-đề cho đến lúc cuối cùng được Phật tuệ, ở khoảng giữa đó chẳng hề lui sụt. Cho nên thế gian gọi là Bồ-đề Tát-đỏa. Do ấn này mà trụ tâm Bồ-đề chẳng lui sụt,

nên gọi là chẳng trái vượt. Ấn này tức là ấn cửa sinh tử mở đường pháp giới, nói lược thì ấn này lượng đồng với pháp giới. Do dùng ấn pháp giới này mà ấn, tức khiến người ấy đã có cớ nêu pháp giới rồi có thân Phổ môn đồng pháp giới. Cho nên gọi là ấn cho đệ tử. Vì ấn pháp giới này là lược, nghĩa là dùng Nhất pháp mà ấn. Nêu rộng chẳng thể lường, đây là tướng cớ nêu của Đại nhân.

Trước hỏi Quán đánh có mấy thứ, nay kể là đáp. Phật tử hãy khéo lắng nghe, là y theo bản tiếng Phạm chánh là nói ân cần đầy đủ lắng nghe. Vì sao từ trước đến nay các câu hỏi không nói lắng nghe mà đến đây mới nói. Nhưng các pháp nếu chẳng lắng nghe thì sẽ quên mất, lỗi ấy chẳng phải nhỏ. Nếu quán đánh chẳng thành thì chẳng được nghe chân ngôn và ấn. Ngày nay chẳng nên gây ra lỗi lớn này. Cho nên hết lòng khuyên răn. Ví như dòng Sát-lợi ở thế gian, nghĩa là muốn nối dõi để dòng họ vua chẳng mất, nên vì đích tử mà thực hành quán đánh. Bèn đựng nước bốn bể trong bình bốn báu, rồi trang sức đầy đủ các báu trên thân Thái tử ấy. Lại làm đẹp voi lớn, trên lưng voi lớn để bình báu, cho Thái tử ngồi trong đàn. Tất cả đều nhóm hợp chung quanh. Voi dâng bình nước lên mà chế trên đầu Thái tử. Chế xong thì ba lần hô lớn: Các vị nên biết Thái tử đã thọ nhận ngôi vua. Từ nay trở đi nếu vua có ra lệnh thì đều phải vâng hành. Nay Như Lai Pháp vương cũng giống như thế. Vì khiến cho hạt giống Phật không dứt mất, nên rưới nước pháp cam lộ mà trên đầu Phật tử để khiến hạt giống Phật chẳng dứt. Vì thuận theo pháp thế gian nên có pháp phương tiện ấn trì này. Từ đây trở đi tất cả Thánh chúng đều tôn kính cùng biết người ấy rất ráo đối với Vô thượng Bồ-đề không hề lui sụt mà nhất định nối tiếp ngôi vị Pháp vương. Nếu có thực hành chân ngôn thân ấn Du-già các nghiệp thì đều chẳng dám trái vượt. Nhưng quán đánh có ba thứ: Một là chỉ dùng ấn pháp làm lìa các tác nghiệp. Đây là vào Bí mật Mạn-đồ-la. Nghĩa là có đệ tử hết lòng chí thành rất ưa thích hạnh chân ngôn mà chí cầu Đại thừa, nhưng sức mình còn yếu kém. Nếu khiến mỗi câu đầy đủ các việc thì sợ đối với đạo có chướng ngại. Như thế, vị thầy phải có từ tâm thương xót quán rõ tâm hạnh người ấy mà dắt dẫn. Nhưng chỉ được làm cho người ấy, không được làm cho nhiều người. Vì sao? Vì sợ người có sức tự làm được sẽ sinh tâm biếng nhác nhờ cậy, mà chẳng hết lòng, sẽ tổn các cội đức. Khi làm thì tùy sức bày biện chút ít cúng dường Tam bảo. Đây là tối thắng bậc nhất, tức ba thứ thân, miệng, ý của Bốn tôn hợp thành một, ba thứ đều thanh tịnh nên dùng ấn này mà ấn, đây là hơn hết. Thầy đã ngầm trao loại Thủ ấn chân ngôn ấy; hai là dùng sự nghiệp mà quán

đánh, tức là thầy và đệ tử trước đều làm sự nghiệp. Nghĩa là trước bảo đệ tử trong bảy ngày phải thành tâm lễ bái sám hối. Vị thầy cũng trong bảy ngày ấy ngâm trì tụng cầu cảm ứng và bảo sắp bày các vật hương hoa cúng dường. Trong đàn, các việc bảo làm cho đầy đủ. Nhưng quán đánh này chẳng khác với trước, chỉ vì có sức riêng mà khiến cố hết sức. Trong Hải Hội chư Phật thực hành vô tận cúng dường. Do nhân duyên này mà quả phước thí chẳng thể cùng tận. Cho nên khuyên bảo thực hành đầy đủ; ba là chỉ dùng tâm thực hành quán đánh. Quán đánh như thế chẳng chọn thời, chẳng chọn phương, nghĩa là ở hướng Đông mà bày vị, hoặc ở hướng Nam... đều được. Do đệ tử này đã tu hạnh chân ngôn trong Bí mật tạng mà có khả năng thọ nhận, khiến tâm vị thầy vui vẻ. Đây lại rất tối thắng. Thầy và đệ tử đều được Du-già dùng tâm quán đánh, cũng như xoa đánh thọ ký.

Lại hết lòng kính thờ thầy, đối với các việc lành đều không trái vượt. Do nhân duyên đó khiến cho Tôn vị vui mừng, cho nên thực hành tâm tưởng quán đánh. Pháp quán đánh ấy là A-xà-lê Du-già trước vào tịnh thất mà trụ Tam-muội. Như trước đã nói dùng thân thực hành bốn phần, lớp bốn, lớp vị Mạn-đồ-la, cũng như chỗ hiện phương vị Tỳ-lô-giá-na mỗi vị đều không khác. Làm như thế rồi dùng Bí mật mà gia trì, khiến đệ tử ấy đứng ở ngoài đợi lệnh. Tự nhiên được Kim Cang Thủ oai thần gia trì dẫn vào, cũng tự nhiên biết các cách bắt ấn đúng pháp. Đã vào thất rồi, vì được Kim Cang Thủ gia trì nên thấy được các tôn vị Mạn-đồ-la rõ ràng hiện ra mỗi vị và ấn chữ hình. Bốn tôn đều rất rõ ràng. Bấy giờ, người tu lại dùng năng lực gia trì. Trong tay tự nhiên được trao diệu hoa mà đem cúng dường đại chúng. Tùy Bốn tôn nào hoa rơi trúng, tôn ấy liền phát ra diệu âm thanh mà an ủi, nhiếp thọ.

Bấy giờ, Bốn tôn dùng nước cam lộ Tam-muội của mỗi tôn vị trong đại hội mà vì đệ tử ấy hiện tiền quán đánh. Khi ấy A-xà-lê chỉ ngồi một chỗ mà vào Tam-muội vắng lặng bất động mà thành tựu được những việc hay ho như thế, khiến Tôn vị vui mừng tương ứng, nói là phụng thờ Bốn tôn, khiến tôn vị vui mừng. Vì người tu hiện tiền mà thực hành quán đánh, vì biến số và đủ hạnh mà thực hành phụng thờ niệm tụng khiến Tôn vị vui mừng. Hiện tiền nói pháp như đã nói, lệ y theo trước. Như đệ tử giới thờ thầy khiến vui mừng thầy vì quán đánh dạy trao cho.

Kế là đáp Tam-muội-da có mấy thứ. Nay Thế Tôn lược đáp có năm thứ. Tam-muội-da, là như có người ở chỗ tập hội tôn trọng của các vua chúa, quan lớn mà tự phát ra tiếng nói lời thề quan trọng: Nay tôi

thề quyết không làm việc ấy, hoặc thề quyết làm việc kia. Để người tin nên phát lời thành thật, nếu trái thì sẽ bị tội nặng. Đó là Tam-muội-da, là nghĩa chẳng trái vượt. Nói tóm tắt là nghĩa giới cấm. Trong đây có năm thứ: Một là chỉ được ở xa nhìn thấy Mạn-đồ-la nghĩa là như khi làm Mạn-đồ-la nói là thấy đầy đủ Mạn-đồ-la. Bỗng có người có tâm tốt tùy hỷ muốn được lễ bái cúng dường.

Bấy giờ, A-xà-lê cho dẫn vào ở ngoài đàn khiến từ xa lễ bái, dùng hoa thơm ở xa tung rải vào đạo tràng mà cúng dường. Được thấy pháp hội như thế nên vô lượng tội nghiệp đều được dứt hết. Nhưng chưa hợp trao cho người ấy chân ngôn và ấn là Tam-muội-da thứ nhất.

Hai là thấy chỗ đặt Mạn-đồ-la nghĩa là dẫn người ấy vào trong đàn, khiến lễ bái cúng dường tung hoa trên Bốn vị. Thấy bảo hoa của ông đã rơi vào chỗ nào... trên tôn vị, rồi nói danh hiệu Bốn tôn ấy. Cùng được vào trong đàn, đều thấy đủ các tôn vị. Người này gọi là Tam-muội-da thứ hai. Nếu thỉnh chân ngôn và ấn thì cũng được tùy chỗ mà trao.

Ba là thấy ấn vị Mạn-đồ-la và làm các việc. Nghĩa là A-xà-lê từ đầu đến cuối vì người này mà làm Mạn-đồ-la. Cho đến các tôn vị và ấn... đều chỉ bảo, lại trao cho chân ngôn thủ ấn, mỗi cách làm đều dạy trao, đó là thứ ba.

Bốn là đã tu hành môn chân ngôn đúng phép tắc, mỗi môn đều hiểu rõ, biết đủ các cách khéo léo phương tiện làm đàn, có khả năng ở địa vị của thầy làm vui ý thầy. Thầy vì truyền dạy cho Mạn-đồ-la, bảo rằng: Từ nay về sau ông cũng như ta không khác, tạo Mạn-đồ-la độ các đệ tử khiến cho pháp an trụ lâu dài, hạt giống Phật không dứt, đó là thứ tư.

Năm là tức Bí mật Tam-muội-da, như giáo đã nói ấn đàn phối vị đều thấy. Nếu chẳng trái vào đàn này thì Bí mật trí chẳng sinh. Cho nên phải ở trong đàn bí mật đúng pháp mà thực hành quán đảnh, đó là thứ năm.

Người trí phải biết. Nếu khác đây thì chẳng gọi là Tam-muội-da. Tức ở trước nói khi nhập vào quán đảnh thứ ba. Nếu khác năm việc này thì chẳng gọi là khéo thực hành Tam-muội-da. Nhưng Bí mật Mạn-đồ-la lại có năm thứ:

Một là ở chỗ thầy trao được chân ngôn ấn pháp, y giáo tu hành, tương ứng với Du-già, ở trong định được thấy các tôn vị đại hội, nhưng chưa được dẫn vào.

Hai là, người đã được dẫn vào trong đàn Bí mật được lễ bái cúng dường mà chưa được Thánh tôn hiện ra quán đảnh.



Ba là đã được dẫn vào trong chúng đại Thánh từ đầu đến cuối, mỗi hạnh bí mật đều được các Thánh phương tiện dạy bảo.

Bốn là khéo tu đạo Bí mật, hiện được các tôn vị thực hành Bí mật truyền dạy Tam-muội-da. Tức là Như Lai khiến thực hành hạnh Như Lai.

Năm là đã đủ các việc trước lại thấy thân mình ở trong đại hội tự làm bậc thầy A-xà-lê, tức là người Nhập địa. Người này mới nhập vào Tam-muội liền thấy tất cả Phật hội, cho đến mười thế giới vi trần đại hội đều nhóm hợp, mà ở trong đó đồng vị với các Tôn vị. Nếu quán sát ở ý khéo trụ là bảo Kim Cang. Biết tâm ấy chẳng được ở ba chỗ. Chân ngôn là được tên Bồ-tát, tức là dùng nghĩa mà được tên. Do tự có giác mà chẳng chấp đắm ba chỗ, nghĩa là khi tự thân quán pháp và khi thành, nếu chấp đắm vào ba thứ này thì chẳng gọi là giác tâm. Vì ở ba thứ này không được gọi là Bồ-tát. Trước nói nghĩa Bồ-tát là nói theo pháp tướng, nay do nghĩa đó mà được tên. Kim Cang Thủ trước hỏi lúc nào thì được gọi Bồ-tát, nay kể là đáp, nếu quán ý tâm giác khéo trụ ba chỗ chẳng được trì tụng, thì nói là quán. Nghĩa là trước từ chỗ thấy nhận pháp Du-già. Lược có ba việc, nghĩa là tâm quán Bốn tôn, miệng có chân ngôn, thân có pháp ấn. Ông phải quán như thế. Đã thọ pháp rồi, như nghe mà tu hành, được thấu suốt sáng tỏ, cũng như trong gương mà thấy các hình ảnh, mặt mày, đó là quán. Giác là hiểu rõ cảnh giới chân thật của tâm mình. Khéo trụ tức là chỉ cho Kim Cang Thủ. Phật nói pháp, theo thứ lớp mà gọi tên, hoặc có thể đồng với người tu hành kia, giống như biết rõ tâm mình không có chỗ trụ mà trụ, nên gọi là khéo trụ. Đã được tương ứng với pháp như thế. Được thấy vô lượng cảnh giới của Bốn tôn rộng lớn nghiêm tịnh không thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, người tu bèn dùng vô sở đắc làm phương tiện, dùng trí tuệ quan sát, pháp như thế từ trong sinh, từ ngoài sinh, hay từ trong ngoài hợp sinh, từ thân tâm người tu thì gọi là trong, từ cảnh giới Bốn tôn mà đối thì gọi là ngoài, nếu hai thứ hợp duyên thì gọi là khoảng giữa. Như thế mà quán sát biết rõ pháp cảnh giới không thể suy nghĩ bàn luận này chẳng từ trong ra, chẳng từ ngoài vào, chẳng từ trong ngoài hợp thành khoảng giữa mà có. Phải biết xưa nay vốn thanh tịnh, rốt ráo không thật có, không chỗ sinh, ba việc này đều trừ hết, tức là vốn thanh tịnh, một tướng bình đẳng. Vì sao? Vì người tu nội tâm, ngoại cảnh và tâm duyên hòa hợp, khi chánh quán thì ba việc này hòa hợp thì có quán cảnh không thể suy nghĩ bàn luận hiện tiền. Vì ba việc hòa hợp từ điều kiện, nên biết tức là vô sinh, vô tánh, không thật có.

Lại nữa, người tu thân có Bí ấn, miệng có chân ngôn, tâm có quán cảnh giới Bốn tôn, vì ba việc này rất ráo Vô sinh nhẫn, tức là ba luân thanh tịnh, một tướng bình đẳng. Do người tu lìa ba chấp, tịnh ba luân lìa bốn tướng. Từ đây trở đi liền được gọi là Bồ-tát. Nhưng người tu làm vô sinh, vô tánh khi quán thì tâm không thật có, chẳng mê đắm tướng trong ngoài. Tức là các pháp rất ráo đều không đều chẳng thật có. Nhưng từ khi phát tâm đến nay tu hành các thứ phước nghiệp và tu hành muôn hạnh lợi ích chúng sinh. Vì sao ở trong cảnh không rất ráo này mà không bị rơi vào đoạn diệt? Vì người tu có năng lực phương tiện nên chẳng rơi vào lỗi như thế. Vì sao? Như người tu khi mới quán các cảnh có tướng tức là pháp từ duyên khởi, vì từ duyên khởi nên chẳng tự sinh, chẳng khác sinh, chẳng phải cùng, chẳng phải không nhân, cho nên thường vô sinh. Nếu vô sinh, thì pháp nhân duyên này tức là duyên đồng pháp tánh, rất thanh tịnh, đầy đủ tất cả tánh không thể suy nghĩ bàn luận sinh khởi công đức. Tùy cơ duyên mà khởi, cũng như bóng trong gương, trăng đáy nước, có mà chẳng có, chẳng có mà khởi. Tuy từ duyên sinh mà chẳng rời vào hai bên. Cho nên tuy rất ráo không mà thành tựu các thứ công đức, lợi ích khắp tất cả chúng sinh. Đại bi hóa vật chẳng rơi vào thật tế. Cho nên kinh nói: Dùng phương tiện mà vì chúng sinh làm hạt giống Bồ-đề. Người trí tu quán hạnh vô duyên, phải biết nhân giả này tức là thành Bồ-đề. Quán Vô duyên tức là Trung đạo, hợp đồng nghĩa Phật, nghiệm ra là quán không thể suy nghĩ bàn luận. Phật đã lìa tất cả các chấp để độ người. Chủng là hạt giống. Đã thành Phật đồng với Vô duyên giác. Được pháp vốn vắng lặng mà khởi phương tiện lợi tha, dùng phương tiện để lợi ích chúng sinh thì dùng phương tiện nào. Nếu trụ vào vốn vắng lặng thì trái với bốn thế. Dùng phương tiện vì chúng sinh mà trồng hạt giống Bồ-đề. Đây là tên khác của lợi ích là độ người, là nghĩa về vô duyên mà làm hữu duyên. Nhân giả là nói Phật vượt chúng sinh tức là hơn người. Nhân giả là tịch căn mà được hơn.

Trước hỏi làm sao thấy Đế, nay kể là đáp. Pháp vốn vắng lặng không có tự tánh, vì các an trụ ấy ở trong pháp vốn vắng lặng. Các tâm lo lắng là đạo của người tu hành. Biết pháp vắng lặng vô tánh bất động như núi Tu-di, đó gọi là thấy đế. Nói thấy đế như trên đã nói: Trước từ thầy trao cho mà được chân ngôn quán hạnh phương tiện, được tướng ưng với Tam-muội, rõ ràng hiện tiền. Kế liền như thật chánh quán ba việc, đều không sinh không diệt, tánh chẳng thật có. Do nhân duyên ấy nên có thể hiện biết tất cả pháp từ xưa đến nay là tướng Thường vắng

lặng. Trong đây nói các pháp ấy, tức là chỉ cho cảnh quán chiếu ở trước, tức ở trong đây mà biết rõ vốn vắng lặng, mà trụ vào Lý tự chứng. Đã được an trụ pháp thể như thế, trong trí tuệ chân thật mà nghi hối dứt hết, cũng như núi chúa Tu-di chẳng lay động. Tu-di tức là nghĩa chẳng lay động, trụ vào đây cũng gọi là thấy Đấng. Vì đây thật như không, thật như không cũng không. Không có tự tánh gọi là thật. Thật tức như không, thật là chẳng phải nói dối. Kế nói do đó sự thấy biết cũng như Phật (thấy Phật tức như Phật). Trước Phật cũng thấy như thế, mình cũng thấy như thế nên nói là bằng. Thật bằng không và chẳng phải nói dối. Chỗ thấy như Phật tức như thế. Phật trước là giải thích nghĩa thấy Đấng. Hễ thấy trụ tức là an trụ vào trí tuệ chân thật nên gọi là Phật. Cũng như biết rõ vô tánh là không bỗng tánh vốn tịnh, phải biết các pháp đều không, không nghĩa là lìa luống dối phân biệt mà trụ để đều là thật. Thấy lý này tức là thấy đạo mà Phật xưa đã thấy, hiểu biết đồng với chư Phật. Xưa, Như Lai cũng từ đường này mà thành Chánh giác, đã được trí tự nhiên như thế. Lại phải truyền trao cho chúng sinh. Nay ta được không khác với đây, nên gọi là Thật, thật tức là không luống dối.

Trước hỏi các người được tâm Bồ-đề, Tất-địa ấy lại không gì hơn. Ngoài ra có năm thứ Tất-địa. Kế hỏi thế nào là Tất-địa, lại có mấy thứ. Nay trước đáp quả. Hễ nói thành tựu Tất-địa tức là trụ tâm Bồ-đề. Tâm Bồ-đề này tức là Địa thứ mười một, thành tựu tối Chánh giác. Như thế Tất-địa trong các địa là cao hơn hết. Nên kinh nói Tất-địa không có gì hơn. Kế đáp vào tu hành là trụ địa tín hạnh, kế lên vị địa. Nghĩa là Phật Duyên giác hơn năm thân thông thế gian. Tất-địa có mấy thứ? Tất-địa Vô thượng này về trước lược có năm thứ:

1. Tín.
2. Nhập địa.
3. Năm thông.
4. Nhị thừa.
5. Thành Phật.

Đây là năm thứ Tất-địa.

Một là Tín, nghĩa là tùy phần thanh tịnh các căn, tin sâu Bí tạng Như Lai quyết định chẳng nghi. Tin Phật có phương tiện như thế, như thế... Nếu y người tu sẽ thành bình đẳng. Đây là Tín hạnh địa tiền.

Hai là Nhập địa, nghĩa là vào địa Sơ hoan hỷ. Đây so với pháp Thanh văn thì cũng như người thấy Đấng.

Ba là Năm thông, tức là hiểu rõ cảnh năm thông thế gian cũng như huyền mộng, như trăng đáy nước, như ảnh trong gương, chẳng nên chấp

trước. Bảy giờ, đều vượt tiên nhân năm thông, đó là thứ ba.

Bốn là Nhị thừa, nghĩa là quán sát cảnh giới Nhị thừa, tâm không mê đắm, tâm chẳng rơi vào thật tế. Bảy giờ, được qua cảnh giới Nhị thừa. Bảy giờ, đến Địa thứ tám.

Năm là từ Địa thứ chín tụ hạnh Bồ-đề, càng ngày tiến lên thành vị Như Lai. Nhưng thầy các kinh luận đại khái đều thực hành như lời nói này. Nếu nghĩa trong Bí tạng lại có khác, nghĩa là Sơ hoan hỷ địa có mười tâm. Từ tâm thứ nhất đến tâm thứ tư được độ cảnh giới Năm thông, từ tâm thứ năm đến thứ tám được vượt cảnh giới Thanh văn, Duyên giác. Từ tâm thứ chín, một mực tu đạo Bồ-tát, đến tâm thứ mười gọi là thành Phật. Phật là Giác, nghĩa là giác tự tâm tánh tịnh, xưa nay tướng thường vắng lặng. Nhưng trong mười tâm này từ thứ nhất đến thứ tám gọi là Kiến đạo, từ thứ chín đến thứ mười gọi là quán. Thấy quán nghĩa thấy đế lý. Đây tiến tu quán nghĩa là quán Bí mật công đức không thể suy nghĩ bàn luận của Như Lai. Cảnh bí mật như thế, chẳng phải là pháp thấy được vì ở ngoài tâm lượng. Cho nên riêng gọi là quán đạo. Giác nghĩa là hiểu biết, đã vượt cảnh giới Nhị thừa. Hiểu biết tâm Nhị thừa khác với Bồ-tát. Nếu khi vào Nhị địa cũng đến tâm thứ tư, vượt năm thông, tâm thứ tám vượt Nhị thừa, tâm thứ mười thành Phật. Y theo đây có tín lấy tên nhập vị, chẳng khác mười tâm Sơ địa, nhưng mười tâm này chuyển càng sáng suốt lia cấu. Cho đến Địa thứ mười cũng có mười tâm. Tức là hề có mười tâm, mỗi tâm chuyển thắng (càng hơn lên) nên y theo mà biết. Như dụ vàng ròng của kinh Hoa Nghiêm nên y theo mà biết. Mười tâm Sơ địa này xong rồi, liền có thể phân thân thành trăm cõi Phật... như thế có thể biết. Chỉ một trăm tâm thành Phật, kinh Bảo Cự Đà-la-ni có nói rất sâu sắc kín đáo. Kinh này chưa đến các nước phía Đông. Tu thật chẳng dứt khiến tâm tâm tịnh. Kế là đáp sự nghiệp tu hành chẳng dứt cho đến tâm nối nhau thanh tịnh. Tâm tục tịnh nghĩa là chẳng hết công dụng thành thực như thế, cũng có thể gọi là Tát-địa, Tát-địa khi nào sinh. Kinh nói đời đời kiếp kiếp cho đến nghiệp nghiệp chẳng trừ, khiến quả thành thực, lúc ấy Tát-địa thành. Cùng một lúc nghiệp sinh gởi nhờ ở thân. Được trì tụng thì Tát-địa từ ý sinh. Đời đời kiếp kiếp là nói nghĩa. Tiếng Phạm Tán-đa-na, là biết, tức là trong nội tâm. Cũng như chúng sinh thế gian gây ra các thứ nghiệp, nương nghiệp này mà chịu quả báo một đời, hoặc trăm ngàn muôn đời mà nghiệp này chẳng mất, thuần thực thì chịu báo. Nay đáp Tát-địa này sinh cũng như thế. Như người làm tùy thượng trung hạ mà nguyện hẹn, y chân ngôn pháp yếu mà tu được thành Tát-địa. Do Tát-địa này ở thân. Cho đến đời

đời kiếp kiếp thường ở trong thân hành giả cũng như nghiệp quả. Tuy là từ các duyên sinh nhưng thường tự vắng lặng, chẳng phải có chẳng phải không mà cũng chẳng dám chẳng quên. Từ đây Tất-địa thành rồi, đời đời chịu quả không mất. Nương nghiệp Tất-địa mà chịu quả ấy, gọi là sinh nhà Tất-địa. Đã sinh nhà Tất-địa rồi, cho đến thành Phật về sau chẳng bao giờ tan mất, cho nên nói nghiệp chẳng thể dứt trừ. Kinh nói Thục, Thục tức là quả, khiến thành thục là nghĩa quả thọ dụng. Một thời nghĩa là một chốc lát, tức là người tu mới y pháp trì tụng. Đã được cảnh giới cho phép thực hành pháp thành tựu, liền ở trong một đêm mà được Tất-địa, do một lúc làm mà được mãi mãi, thường gởi ở thân không bao giờ tan mất. Cũng như bỏ độc trong sữa, cho đến trong đê hồ đều có thể giết người. Như người tại nghiệp trời mà chịu quả, đã được quả báo trời thì tùy niệm liền được, chẳng thêm công sức tùy niệm mà thành, Tất-địa này cũng như thế. Ở mọi đời mọi lúc, người ấy tu điều lành sinh thời làm tịnh nghiệp. Kế là trì tụng được Tất-địa từ ý sinh, tịnh nghiệp cùng chỗ sinh tâm đều bình đẳng không phân biệt. Nghiệp sinh tâm ở đó một thời gian thì Tất-địa thành, thường được tùy ý mà sinh, cho nên nói tùy ý sinh.

Kế đáp làm sao bay lên hư không. Nói người tu nương năng lực Tất-địa bước đi trên hư không, tự tại vô ngại, cũng như đối với huyền pháp mà không hề sợ. Không sợ nghĩa là đối với khuôn mẫu, phép tắc của pháp huyền đều hiểu biết không nghi ngờ, là muốn thành. Như nhà ảo thuật hóa các cảnh giới, tùy theo người ưa thích mà bày ra. Nhưng thật ra nhà ảo thuật kia không xao động, cũng chẳng đổi khác nhau. Chỉ dùng nhân duyên chân ngôn, thuốc mê mà mê hoặc lòng người thôi. Nay Tất-địa cũng như thế, chẳng bỏ thân này mà đều thành Tất-địa. Chân ngôn huyền cũng như lưới trời Đế-thích, mà bước đi trên hư không dạo đi các cõi đều tự tại. Nhưng cũng không hề xao động. Chỉ do chân ngôn huyền làm ra mà được như thế. Chân ngôn của nhà ảo thuật gọi là lưới trời Đế-thích. Cũng như lưới ấy bao gồm tất cả sự rồi hiện bày các tướng mà chẳng có sự thật, nên gọi là lưới Đế-thích. Đó tức là chân ngôn người ảo ở thế gian (đọc chú mà hóa ra người ảo) mượn đó làm dụ, dụ ra thân người, vật ảo ở đời.

Kế là đáp như thân bí mật ở thành Càn-thát-bà. Ở đó có người ở, chẳng phải thân, cũng chẳng phải thức. Thế nào là thân bí mật? Tức nói đây là người Tất-địa, chẳng bỏ thân này, chẳng bỏ thức này mà hay bí mật thân ấy cũng như thành Càn-thát-bà. Ở trong đó thấy đủ các cung điện người và vật, tuy dường như có mà thật không có, cũng không có

mà có, lúc thấy có lúc thấy không. Thân bí mật người này cũng như thành Càn-thát-bà, chỉ từ các duyên sinh, thật ra chẳng có thật, hoặc ẩn hoặc hiện. Do các nhân duyên chân ngôn quán hạnh mà khiến thân này tùy duyên sinh diệt cũng giống như thế. Lại như trong mộng thấy cõi trời Tam thập tam được các thứ vui sướng. Như người ở trong mộng mà thấy đi dạo ở cõi trời, chẳng bỏ thân này, cũng chẳng đến đó. Như thế Du-già tùy chân ngôn, trụ hạnh chân ngôn, thân này như cầu vồng, quá một kiếp từ mộng tỉnh dậy chỉ trong chốc lát người ấy chẳng bỏ thân này, cũng chẳng ở cõi trời ấy, chỉ ngủ mà có việc không thể suy nghĩ bàn luận ấy, chẳng thể dùng tâm thức mà biết được nguyên do. Nay người thành tựu Tất-địa dạo chơi các thế giới cũng như thế. Chỉ dùng Du-già mộng nhân duyên mà có được việc ấy, thành các việc đều rõ ràng. Nhưng biết đó đều như mồi dụ, chẳng sinh mê đắm. Thân tịnh nên có Tất-địa cũng như cầu vồng. Chân ngôn đồng Như Ý Châu, do gia trì công đức nghiệp mà có Tất-địa ấy, cầu vồng ở trên trời chẳng biết từ đâu mà có, hay thấy nhiều màu sắc. Chân ngôn như châu Như ý tùy thân ngữ ý mà sinh, tùy niệm mà sinh ra các vật cần dùng. Tuy sinh mà không phân biệt, không phân biệt mà sinh, được Tất-địa cũng giống như thế. Lại như sắc cầu vồng ở trên trời năm sắc sáng rõ thấy rõ. Nay quán việc ấy là từ không mà có hay từ khí đất sinh ra. Nếu từ hư không sinh ra thì không vốn không pháp, làm sao có được sắc ấy. Nếu từ đất sinh cũng chẳng thể được, mà có việc này rất vui lòng người. Quán biết pháp ấy chẳng tự sinh cũng chẳng do thứ khác sinh, chẳng cùng tận, chẳng phải không có nhân, chỉ là các duyên hòa hợp. Nay thân Tất-địa cũng như thế. Dùng năng lực chân ngôn trì tụng công đức mà có các dụng thần biến không thể suy nghĩ bàn luận như thế cũng như cầu vồng kia. Lại giải thích nghi ngờ, như có người nói pháp sự tướng chân ngôn làm sao có thể thành pháp vô tướng thấy đế chân thật. Nhưng pháp chân thật này thật ra chẳng lìa nhân duyên, tức quán duyên sinh thật tướng này là cảnh giới không thể suy nghĩ bàn luận, như châu như ý ở trên đầu cột cờ, làm mãn nguyện tất cả mọi người, tùy tâm muốn liền được, nay xem nó từ châu mà sinh hay từ tâm người mà sinh. Nếu từ châu sinh vì sao không có trong mọi lúc mà phải đợi tâm người mong ước mới có. Nếu từ tâm người sinh ra, thì tâm người liền được sao phải đợi châu? Phải biết chẳng từ châu sinh, cũng chẳng từ tâm người sinh, chẳng phải cộng, chẳng phải vô nhân duyên, chỉ hòa hợp mà có. Nay Tất-địa không thể suy nghĩ bàn luận thần biến cũng như thế. Chỉ do chân ngôn quán tôn và thân ấn các duyên mà thành Tất-địa. Do chân ngôn nên khẩu

nghiệp thanh tịnh, quán Bốn tôn nên ý nghiệp thanh tịnh, bắt ấn nên thân nghiệp thanh tịnh. Ba việc bình đẳng nên tự nhiên mà có nghiệp không thể suy nghĩ bàn luận. Nhưng cũng chẳng thể phân biệt vì vô tư vô vi. Nếu thế đã đồng như ý thì phải biết là có tướng pháp chẳng, hay trừ chỗ thấy ấy mà nói dụ thái hư không. Cũng như hư không vô tướng vô phân biệt nhưng tất cả hữu tình tới lui làm nghiệp thì đều là nhân không mà được thành tựu, tất cả sắc tướng muôn vật cũng nhân không mà được hiển bày, tánh hư không thường vô phân biệt, không có tướng sinh khởi. Chân ngôn cũng như thế, bản tánh thường thanh tịnh đồng với hư không, tất cả hữu vi đều chẳng thể nhiễm, mà cũng làm cho thành tựu các thứ tác nghiệp, phổ môn biến hóa không thể nghĩ bàn, vì sao lại có tướng. Phải biết các pháp thế gian có tướng, lấy hình tướng ấy gọi là tướng nhân, do phân biệt này mà đặt tên, danh là tên, như thế pháp danh tướng đều đồng mười dụ, chỉ từ nhân duyên mà có, do điên đảo mà sinh nên nói thật ra vô sinh vô tánh. Tức đồng pháp giới tánh như như. Nếu quán như thế, tức là cùng tất cả Như Lai đồng ở một chỗ. Người ấy tuy chưa thể rớt ráo Phật tuệ, nhưng sự hiểu biết thì đồng với chư Phật, cũng tương ứng với pháp. Đồng với chư Phật, tức là ở chung một chỗ với chư Phật. Nói mười phương hư không, thí như hư không mới nói mười phương không, lia tất cả hạnh hữu vi chẳng nhiễm. Chân ngôn là chẳng nhiễm ô tất cả hạnh phân biệt. Như thế mà quán sát hiểu rõ chỉ là tướng, chân ngôn là khi quán sát, chư Phật đồng tùy hỷ.

Hộ-ma có hai thứ, trước tuy nói lược tướng Hộ-ma, nay lại phân biệt trong ngoài Hộ-ma. Như Lương Túc Tôn đã nói. Hộ-ma có hai thứ: Một là Ngoại Hộ-ma, tức là tác pháp trừ các chướng phiền não, tùy phiền não; Hai là Hộ-ma bên trong, nghĩa là chư Phật Lương Túc Tôn nói hai thứ Hộ-ma, đó là nội và ngoại, là dứt các cảnh giới mười hai duyên sinh... Nhưng Ngoại Hộ-ma cùng Hộ-ma bên trong mà làm phương tiện tức là nhân ấy.

Có người hỏi: Nay thực hành Thí Hộ-ma này mà cầu quả ấy, tức là có chỗ mong cầu, há được thành chân lý?

Đáp: Nay ta không có mong cầu.

Hỏi: Nếu thế sao chẳng theo thường pháp của Đản-na mà thí khắp cho tất cả người nghèo khổ, mà lại luống đem đốt hết thì có nghĩa gì?

Đáp: Người phàm phu có thí mà có nhận, tức là có tâm mong cầu, hoặc cầu phản báo hoặc mong thí quả. Vì nhân duyên này nên chẳng thể đối trị tâm mong cầu, tức chẳng dứt hết nguồn tham ái. Vì nhân duyên đó nên chẳng thể cùng Hộ-ma bên trong làm nhân duyên. Nay

thieu thí này tức là dứt hết lỗi lầm ấy mà thực hành quán đối trị. Làm nhân tuệ không mê mà làm Hộ-ma bên trong phương tiện. Cho nên thực hành như thế. Cũng dâng vật cúng này lên Bồ-tôn, tức biết tâm mong cầu cũng như vật này không khác. Tất cả như củi hết thì lửa tắt, không thể nắm lấy, cũng không nơi chốn cho nên làm duyên với Hộ-ma bên trong là hạnh sâu xa. Trong phần làm tăng ích có tăng oai. Như khi dâng hoa trước phải trừ dơ bẩn, xong rồi liền tăng ích oai quang, sau mới cúng dường. Như Hoa đã thế thì Hộ-ma cũng thế, A-xà-lê liền thực hành Hộ-ma bên trong. Nếu người hạnh cạn mà thực hành pháp ngoài thì rất ráo là nhân nội pháp.

Lại nữa, Biệt tướng Bồ-tôn bản tánh cần chứng biết. Nghĩa là Phật, Bồ-tát, Nhị thừa, Thiên thần thượng trung hạ, quán sát hình sắc ấy liền sẽ biết. Tu hành chân ngôn lại có các thứ khác nhau. Nay khoa giản lược, nếu người thế gian y theo tôn vị của tự bộ đó mà tu hạnh chân ngôn. Nghĩa là như trời Đại tự tại... có vô lượng các thứ khác nhau chẳng thể nói hết. Kinh chỉ nêu một góc, dùng Đại Tự Tại làm đầu mối. Nhưng thực hành làm pháp cúng dường thì họ đều mong thành tựu quả Tự bộ Bồ-tôn, tùy tánh vị khác nhau chẳng đồng đều mà trông mong nguyện cầu thành quả ấy. Tâm có hạn lượng thì quả cũng như thế. Chân ngôn thế gian... nói có hạn lượng. Thế gian biết rõ phước đức các trời Tự Tại, họ nói chân ngôn và cho ấn Đại lực đều là quả ở hiện đời. Cho nên nói lượng có khác chút ít. Nghĩa là pháp sinh diệt không bền chắc, tức không có ở đời sau. Nói lượng là Phật nói pháp có hạn lượng. Nói thế, tuy nhiên không đồng với Như Lai nói pháp tu hành Hộ-ma. Vì người đời chỉ cầu quả báo của bốn Thiên thần ấy mà muốn chứng. Phật cũng thực hành pháp xuất thế Hộ-ma mà đối trị. Cho nên có pháp chân ngôn hạnh Hộ-ma. Nhưng Tôn vị của người đời kia nếu ở trong pháp ấy là rất rất ráo, được cùng loại với Bồ-tôn ấy, chẳng được cao hơn. Chân ngôn và ấn ấy cũng như thế. Chỉ tùy tôn vị ấy gieo trồng phước cạn sâu, thế lực kham nhận được mà nói Chân ngôn Thủ ấn Bồ-tôn... Tùy theo sức lực mà chỉ được thành quả Bồ-tôn ấy. Lại chỉ có thể thành quả hiện đời được thế gian thành tựu, chẳng thể nào thành quả xuất thế gian. Khéo tu Như Lai Chân Ngôn Ấn... thì chẳng như thế, mãi mãi mất mát tan hoại vô cùng tận, đó là chỗ khác nhau. Như nước lũ chân trâu, nếu khiến dừng nước, tùy hết thế lực cũ mà tự khô cạn. Nếu người dùng nước này mà đổ vào biển lớn, thì không có việc cạn hết. Vì sao? Vì cùng tất cả tánh nước hòa hợp một vị chẳng thể cùng tận. Tu chân ngôn hạnh Như Lai cũng giống như thế, cho đến thành Phật đến nay đời đời



chịu quả Tất-địa này chẳng bao giờ hết, trọn nường sức này mà được Bồ-đề. Vì sao? Vì mình cùng tất cả biển lớn Như Lai đồng một vị. Các chân ngôn xuất thế, vốn xưa là bất sinh vô tác (chẳng sinh chẳng làm). Các nghiệp sinh đều hết, lìa ba lỗi thân, miệng, ý mà thành Phật. Chân ngôn xuất thế gian từ đầu bất tác bất sinh. Nhưng Tôn vị thế gian ấy là tự tại Độc giác và các chân ngôn của Phật, Thanh văn, chúng Bồ-tát... nay ta nói lượng của nó. Chân ngôn của trời nói đều là pháp có làm, từ Tôn sinh kia xuất ra chân ngôn vượt qua ba thời, từ duyên mà sinh khởi cũng có thể đều dùng chữ, quả có thể thấy chẳng thấy, từ thân ngữ ý sinh ra thì chẳng như thế. Chẳng phải Như Lai tự làm, cũng chẳng phải các Phật xưa đã làm. Thế gian đều nói là quả trải qua tất cả, chân ngôn mà Đẳng Chánh Giác nói quả vượt hơn số kiếp. Cho nên phải biết ẩn Chân ngôn này từ bốn tế Như Lai pháp tánh tự như thế, không phải do sinh làm ra.

Hỏi: Nếu nói không làm không có sinh, nay hiện thấy những người vì cầu quả Tất-địa mà tha thiết dùng phương tiện được thành quả ấy, đã có sinh có quả, thì có chỗ làm, sao nói chẳng sinh?

Đáp: Nghĩa ấy chẳng như thế, phạm là tánh chân ngôn cho đến thủ ấn trì tụng, thì thể đồng hư không, quả sinh ra cũng giống như thế. Do từ ba việc Chân ngôn, Thủ ấn, Bốn tôn là nhân duyên bình đẳng, làm thanh tịnh ba chương, từ đây mà sinh ra quả không thể suy nghĩ bàn luận. Cho nên quả không thể suy nghĩ bàn luận này lượng nó chẳng thể được. Như chân ngôn và ấn ấy đồng với hư không. Phải biết quả này cũng đồng với hư không. Cho đến Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát... có chân ngôn, cũng đồng với lượng ấy đều vượt ba thời. Ba thời là quá khứ, hiện tại, vị lai vì lìa ba thời nên nường quả Tất-địa này không bao giờ hư mất, rốt ráo thành Vô thượng Bồ-đề, quả duyên sinh mà khởi, nghĩa duyên chân ngôn, thủ ấn, Bốn tôn các duyên đầy đủ, mà được thành tự. Cho nên lượng này tức là thật tướng Trung đạo bình đẳng, quả có hai thứ: Một là pháp thấy được, nghĩa là hiện đời được thành tự; Hai là pháp chẳng thể thấy là quả báo ở vị lai mãi mãi vô tận đời đời chịu quả, xoay vần tiến lên cho đến thành Phật. Nhưng chẳng phải biểu nghiệp, chẳng phải sắc, chẳng phải tâm pháp, chẳng có chẳng mất, mà chẳng dám quên. Nhưng thân nghiệp, ngữ nghiệp, và ý nghiệp thanh tịnh nhân duyên mà sinh ra pháp vô sinh vô tánh này.

